

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 3 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### Khung số lượng và tên gọi các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 378/TTr-SNV ngày 16 tháng 3 năm 2026.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quy định khung số lượng phòng (bao gồm các phòng chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công) thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Bố trí 05 phòng/01 Ủy ban nhân dân cấp xã đối với 64 đơn vị hành chính cấp xã.
- Bố trí 04 phòng/01 Ủy ban nhân dân cấp xã đối với 65 đơn vị hành chính cấp xã.

(Danh sách cụ thể tại Phụ lục kèm theo)

**Điều 2.** Quy định tên gọi các phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã:

1. Tên gọi thống nhất của 05 phòng thuộc Ủy ban nhân dân 64 xã, phường tại khoản 1 Điều 1 như sau:

- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;
- Phòng Kinh tế (đối với xã)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường);
- Phòng Nông nghiệp và Môi trường;

- d) Phòng Văn hóa - Xã hội;
- đ) Trung tâm Phục vụ hành chính công.

2. Tên gọi thống nhất của 04 phòng thuộc Ủy ban nhân dân 65 xã tại khoản 2 Điều 1 như sau:

- a) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;
- b) Phòng Kinh tế;
- c) Phòng Văn hóa - Xã hội;
- d) Trung tâm Phục vụ hành chính công.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường tại khoản 1 Điều 1

a) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thành lập Phòng Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở tổ chức lại Phòng Kinh tế (đối với xã)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường).

b) Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Nông nghiệp và Môi trường, Phòng Kinh tế (đối với xã)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) phù hợp với hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực và quy định của pháp luật.

2. Các Sở: Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Nông nghiệp và Môi trường, Phòng Kinh tế (đối với xã)/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp với hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực và quy định của pháp luật.

3. Sở Nội vụ hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ về tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- BTV Đảng ủy UBND tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND các xã, phường;
- Lưu: VT, VP7.

TC\_VP7\_TCBM\_100

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Bình**

**PHỤ LỤC****Khung số lượng phòng thuộc Ủy ban nhân dân  
cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

**I. Ủy ban nhân dân cấp xã được bố trí 05 phòng (bao gồm các phòng chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công)**

1. Ủy ban nhân dân phường Duy Tiên;
2. Ủy ban nhân dân phường Duy Tân;
3. Ủy ban nhân dân phường Đồng Văn;
4. Ủy ban nhân dân phường Duy Hà;
5. Ủy ban nhân dân phường Tiên Sơn;
6. Ủy ban nhân dân phường Lê Hồ;
7. Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Úy;
8. Ủy ban nhân dân phường Lý Thường Kiệt;
9. Ủy ban nhân dân phường Kim Thanh;
10. Ủy ban nhân dân phường Tam Chúc;
11. Ủy ban nhân dân phường Kim Bảng;
12. Ủy ban nhân dân phường Hà Nam;
13. Ủy ban nhân dân phường Phù Vân;
14. Ủy ban nhân dân phường Châu Sơn;
15. Ủy ban nhân dân phường Phủ Lý;
16. Ủy ban nhân dân phường Liêm Tuyên;
17. Ủy ban nhân dân phường Nam Định;
18. Ủy ban nhân dân phường Thiên Trường;
19. Ủy ban nhân dân phường Đông A;
20. Ủy ban nhân dân phường Vị Khê;
21. Ủy ban nhân dân phường Thành Nam;
22. Ủy ban nhân dân phường Trường Thi;
23. Ủy ban nhân dân phường Hồng Quang;
24. Ủy ban nhân dân phường Mỹ Lộc;

25. Ủy ban nhân dân phường Tây Hoa Lư;
26. Ủy ban nhân dân phường Hoa Lư;
27. Ủy ban nhân dân phường Nam Hoa Lư;
28. Ủy ban nhân dân phường Đông Hoa Lư;
29. Ủy ban nhân dân phường Tam Điệp;
30. Ủy ban nhân dân phường Yên Sơn;
31. Ủy ban nhân dân phường Trung Sơn;
32. Ủy ban nhân dân phường Yên Thắng;
33. Ủy ban nhân dân xã Gia Viễn;
34. Ủy ban nhân dân xã Nho Quan;
35. Ủy ban nhân dân xã Yên Khánh;
36. Ủy ban nhân dân xã Yên Mô;
37. Ủy ban nhân dân xã Phát Diệm;
38. Ủy ban nhân dân xã Bình Minh;
39. Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ;
40. Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh;
41. Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trại;
42. Ủy ban nhân dân xã Nam Trực;
43. Ủy ban nhân dân xã Vụ Bản;
44. Ủy ban nhân dân xã Ý Yên;
45. Ủy ban nhân dân xã Cổ Lễ;
46. Ủy ban nhân dân xã Cát Thành;
47. Ủy ban nhân dân xã Ninh Cường;
48. Ủy ban nhân dân xã Xuân Trường;
49. Ủy ban nhân dân xã Hải Hậu;
50. Ủy ban nhân dân xã Hải Tiến;
51. Ủy ban nhân dân xã Hải Thịnh;
52. Ủy ban nhân dân xã Giao Thủy;
53. Ủy ban nhân dân xã Giao Ninh;
54. Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Hưng;

55. Ủy ban nhân dân xã Quỳ Nhất;
56. Ủy ban nhân dân xã Rạng Đông;
57. Ủy ban nhân dân xã Hải Hưng;
58. Ủy ban nhân dân xã Xuân Hưng;
59. Ủy ban nhân dân xã Hải Anh;
60. Ủy ban nhân dân xã Xuân Giang;
61. Ủy ban nhân dân xã Hải Xuân;
62. Ủy ban nhân dân xã Yên Cường;
63. Ủy ban nhân dân xã Giao Hòa;
64. Ủy ban nhân dân xã Xuân Hồng.

**II. Ủy ban nhân dân cấp xã được bố trí 04 phòng (bao gồm các phòng chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công)**

1. Ủy ban nhân dân xã Đại Hoàng;
2. Ủy ban nhân dân xã Gia Hưng;
3. Ủy ban nhân dân xã Gia Phong;
4. Ủy ban nhân dân xã Gia Vân;
5. Ủy ban nhân dân xã Gia Trấn;
6. Ủy ban nhân dân xã Gia Lâm;
7. Ủy ban nhân dân xã Gia Tường;
8. Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn;
9. Ủy ban nhân dân xã Cúc Phương;
10. Ủy ban nhân dân xã Phú Long;
11. Ủy ban nhân dân xã Thanh Sơn;
12. Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Lưu;
13. Ủy ban nhân dân xã Khánh Thiện;
14. Ủy ban nhân dân xã Khánh Nhạ;
15. Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội;
16. Ủy ban nhân dân xã Khánh Trung;
17. Ủy ban nhân dân xã Yên Từ;
18. Ủy ban nhân dân xã Yên Mạc;

19. Ủy ban nhân dân xã Đồng Thái;
20. Ủy ban nhân dân xã Chát Bình;
21. Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn;
22. Ủy ban nhân dân xã Quang Thiện;
23. Ủy ban nhân dân xã Lai Thành;
24. Ủy ban nhân dân xã Định Hóa;
25. Ủy ban nhân dân xã Kim Đông;
26. Ủy ban nhân dân xã Bình Lục;
27. Ủy ban nhân dân xã Bình An;
28. Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn;
29. Ủy ban nhân dân xã Bình Giang;
30. Ủy ban nhân dân xã Liêm Hà;
31. Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình;
32. Ủy ban nhân dân xã Thanh Lâm;
33. Ủy ban nhân dân xã Thanh Liêm;
34. Ủy ban nhân dân xã Lý Nhân;
35. Ủy ban nhân dân xã Nam Xang;
36. Ủy ban nhân dân xã Bắc Lý;
37. Ủy ban nhân dân xã Trần Thương;
38. Ủy ban nhân dân xã Nhân Hà;
39. Ủy ban nhân dân xã Nam Lý;
40. Ủy ban nhân dân xã Nam Ninh;
41. Ủy ban nhân dân xã Nam Đồng;
42. Ủy ban nhân dân xã Nam Minh;
43. Ủy ban nhân dân xã Nam Hồng;
44. Ủy ban nhân dân xã Minh Tân;
45. Ủy ban nhân dân xã Hiến Khánh;
46. Ủy ban nhân dân xã Liên Minh;
47. Ủy ban nhân dân xã Yên Đồng;
48. Ủy ban nhân dân xã Giao Minh

49. Ủy ban nhân dân xã Vạn Thắng;
50. Ủy ban nhân dân xã Vũ Dương;
51. Ủy ban nhân dân xã Tân Minh;
52. Ủy ban nhân dân xã Phong Doanh;
53. Ủy ban nhân dân xã Ninh Giang;
54. Ủy ban nhân dân xã Trực Ninh;
55. Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng;
56. Ủy ban nhân dân xã Minh Thái;
57. Ủy ban nhân dân xã Hải An;
58. Ủy ban nhân dân xã Hải Quang;
59. Ủy ban nhân dân xã Giao Phúc;
60. Ủy ban nhân dân xã Giao Hưng;
61. Ủy ban nhân dân xã Giao Bình;
62. Ủy ban nhân dân xã Đông Thịnh;
63. Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Sơn;
64. Ủy ban nhân dân xã Hồng Phong;
65. Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Lâm./.